

MỘT SỐ CHUYỂN BIẾN TRONG BẢO TỒN VĂN HÓA TỘC NGƯỜI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Trần Thị Mai Lan

Viện Dân tộc học

Email: lantran1008@yahoo.com

Tóm tắt: Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các tộc người là mối quan tâm hàng đầu của các cơ quan quản lý văn hóa từ Trung ương đến địa phương. Công tác đó ở những khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa càng được chú trọng vì nguy cơ mai một văn hóa truyền thống của các tộc người nơi đây. Ở Việt Nam, việc bảo tồn văn hóa tộc người đã được quan tâm từ rất sớm, nhưng đến đầu những năm 90 của thế kỷ XX, khi đất nước bước vào công cuộc Đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách liên quan đến bảo tồn văn hóa trong tình hình mới. Từ đó, công tác bảo tồn văn hóa đã có những chuyển biến, gắn với phát huy các giá trị văn hóa trong đời sống hiện tại. Bài viết nhìn lại công tác bảo tồn văn hóa các tộc người: những hạn chế, sai lầm trước kia và thực tiễn cùng những thách thức trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tộc người hiện nay.

Từ khóa: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, văn hóa tộc người.

Abstract: Preserving and promoting the traditional cultural values of ethnic groups is the top concern of cultural management agencies from central to local levels. In border and remote areas, this work is increasingly emphasized due to the risk of eroding traditional cultures. In Vietnam, the preservation of ethnic culture has been a concern since early times. However, by the early 1990s, when our country entered the Renovation process, the Party and State issued many policies related to cultural preservation in the new situation. Since then, the work of cultural preservation has changed, becoming associated with promoting cultural values in current life. This article looks back at the work of preserving ethnic cultures: past limitations and mistakes, and the current practices and challenges in preserving and promoting traditional ethnic cultural values.

Keywords: Preservation, promoting traditional cultural values, ethnic culture.

Ngày nhận bài: 11/3/2024; ngày gửi phản biện: 16/3/2024; ngày duyệt đăng: 24/6/2024.

Mở đầu

Văn hóa đóng vai trò quan trọng trong đời sống của các tộc người và mỗi quốc gia. Văn hóa là một trụ cột của phát triển bền vững, tạo nên bản sắc riêng đối với mỗi dân tộc, vùng

miền, đất nước. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, đặc trưng văn hóa truyền thống có ý nghĩa lớn trong việc khẳng định bản sắc riêng của từng tộc người và quốc gia - dân tộc. Chính vì vậy, việc bảo tồn văn hóa truyền thống trở nên cần thiết hơn bao giờ hết và với một số cộng đồng có mức độ giao lưu, tiếp biến văn hóa mạnh mẽ, đây còn là vấn đề bức thiết cần sớm được thực hiện. Việc bảo tồn vốn văn hóa truyền thống của các tộc người đã được Đảng và Nhà nước ta chú trọng từ lâu nhằm giữ gìn văn hóa mà các thế hệ đi trước dày công vun đắp và trao truyền cho các thế hệ sau, để họ có cơ sở tiếp nối và phát triển mạch nguồn văn hóa dân tộc. Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh số 65/SL ký ngày 23/11/1945 về bảo tồn cổ vật, di tích. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 36/2005/QĐ-TTg về việc lấy ngày 23/11 là ngày Di sản văn hóa Việt Nam. Thành tựu mà chúng ta đạt được là lưu giữ rất nhiều yếu tố văn hóa cổ truyền đã tồn tại và duy trì từ nhiều thế kỷ trước, trong đó có những thành tố văn hóa của các tộc người đã được công nhận là di sản văn hóa quốc gia, được UNESCO vinh danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Từ sau khi mở cửa hội nhập với thế giới, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành một loạt các chính sách liên quan đến bảo tồn văn hóa tộc người trong tình hình mới. Chính sách đánh dấu mốc quan trọng cho sự thay đổi về chiến lược văn hóa phải kể đến Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII được ban hành từ năm 1998. Mặc dù vậy, sự biến chuyển trong công tác bảo tồn văn hóa tộc người phải đến đầu những năm 2000 mới thể hiện rõ. Công tác bảo tồn văn hóa các tộc người đã có những đổi mới để phù hợp hơn với bối cảnh giao lưu văn hóa ngày càng mạnh mẽ và sâu rộng giữa các vùng miền, tộc người và giữa các quốc gia. Quy trình bảo tồn đã được đa dạng hóa về hình thức, thống nhất về nội dung, thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa văn hóa tộc người với văn hóa quốc gia, văn hóa tộc người luôn tồn tại và phát triển trong tổng thể văn hóa quốc gia. Tuy nhiên, quá trình bảo tồn văn hóa tộc người trên phạm vi cả nước trong thời gian vừa qua đã bộc lộ những điểm chưa hợp lý. Ở một số nơi, việc bảo tồn còn mang tính hình thức, kết quả thiên về số lượng mà chưa chú trọng đúng mức đến chất lượng, nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của chủ thể văn hóa, gây ảnh hưởng tới hiệu quả của công tác bảo tồn và không đạt được mục tiêu đề ra của đề án. Thực tế này đòi hỏi phải nhìn nhận và đánh giá nghiêm túc về công tác bảo tồn văn hóa tộc người được thực hiện trong quá khứ và hiện tại để rút kinh nghiệm và có những điều chỉnh hợp lý trong thời gian tới.

1. Một số khái niệm

Để có cơ sở cho trình bày và phân tích, tác giả nêu một số khái niệm được sử dụng trong bài viết như sau:

- *Bảo tồn* là những nỗ lực nhằm gìn giữ các giá trị, bản sắc văn hóa tốt đẹp vốn có của mỗi dân tộc, của quốc gia (Nguyễn Văn Minh, 2021, tr. 27). Bảo tồn di sản (heritage preservation) được hiểu là các nỗ lực nhằm bảo vệ và giữ gìn sự tồn tại của di sản theo dạng thức vốn có của nó (Đình Hoàng, 2021).

Bảo tồn là công việc đã được nhân loại thực hiện từ rất sớm trong quá khứ. Mỗi một thời đại, người ta lại có cách nhìn khác nhau về bảo tồn. Đối với nhiều chuyên gia bảo tàng,

khái niệm *bảo tồn* bao hàm cả hành động và ý định bảo vệ tài sản văn hóa, dù là vật thể hay phi vật thể, là sứ mệnh cốt lõi của bảo tàng. Điều này giải thích việc sử dụng khái niệm *người bảo tồn* (tiếng Pháp là conservateur, tiếng Anh là curator, ở Vương quốc Anh là keeper) xuất hiện vào thời điểm cách mạng Pháp (cuối thế kỷ XVIII) (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Di sản văn hóa, André Desvallées & François Mairesse, 2010).

Cụm từ *bảo tồn văn hóa truyền thống* hay *bảo tồn và phát huy di sản văn hóa* thường hay được nhắc đến và gắn liền với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta liên quan đến văn hóa trong thời gian gần đây. Khái niệm *bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống* đã được nhắc đến trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước, trong đó, *bảo tồn* được hiểu là những nỗ lực nhằm gìn giữ các giá trị, bản sắc văn hóa tốt đẹp vốn có (truyền thống) của mỗi dân tộc, của quốc gia. Gắn với khái niệm này, người ta cũng thường dùng cụm từ *gìn giữ và phát huy* hay *kế thừa và phát triển*. Trong mỗi văn cảnh, khái niệm này có màu sắc, ngữ nghĩa riêng nhưng đều có thông điệp là các nỗ lực nhằm lưu giữ những gì được coi là giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp đang được thực hành trong xã hội hiện tại. Những quan điểm và hành động nhằm bảo tồn, gìn giữ hay kế thừa còn hàm chứa sự lựa chọn chủ quan của chủ thể văn hóa, của thể chế chính trị cầm quyền.

- *Phát huy văn hóa truyền thống* được hiểu với hai nghĩa: (1) những hành động nhằm đưa văn hóa vào thực tiễn xã hội, coi như là nguồn nội lực, tiềm năng quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội, mang lại những lợi ích vật chất và tinh thần cho con người; (2) môi trường tốt nhất để bảo tồn và làm giàu thêm cho chính bản thân nền văn hóa (Ngô Đức Thịnh chủ biên, 2014).

Nói đến bảo tồn, người ta cũng thường hay nói đến cụm từ *bảo tồn nguyên gốc*. “Nguyên gốc” là dạng khởi nguyên ban đầu của một hiện tượng văn hóa. Tuy nhiên, đối với các hiện tượng văn hóa truyền thống, nhất là đối với văn hóa phi vật thể, chúng ta rất khó tìm lại khởi nguồn của nó. Do vậy, hiểu bảo tồn nguyên gốc tức là bảo tồn các dạng văn hóa ở một thời điểm nào đó trước khi nó biến đổi theo hướng hiện đại hóa. Do vậy, trong Luật Di sản sửa đổi năm 2009 của nước ta, khái niệm *bảo tồn nguyên gốc* được thay là *bảo tồn các yếu tố nguyên gốc* (Ngô Đức Thịnh, 2014).

2. Bảo tồn văn hóa tộc người trước những năm 2000

Trong nhiều thập kỷ trước, việc bảo tồn văn hóa truyền thống chủ yếu là phương thức bảo tồn tĩnh, gắn với bảo tàng nhiều hơn. Chúng ta từng cố gắng sưu tầm, tìm hiểu những nét đặc trưng văn hóa, những thực hành văn hóa trong quá khứ của các thế hệ đi trước, tái hiện lại và cố gắng lưu giữ, giới thiệu với các thành viên trong và ngoài cộng đồng với mong muốn chúng sẽ được các thế hệ sau duy trì và tiếp nối. Tuy nhiên, trải qua thời gian, sự thay đổi về môi trường sống tự nhiên và xã hội khiến cho một số đặc trưng văn hóa và thực hành văn hóa truyền thống ít có điều kiện để tồn tại, phát triển và dần vắng bóng trong đời sống văn hóa của các tộc người. Chính vì vậy, nhiều khách du lịch, tham quan, thậm chí cả những nhà nghiên

cứu trước khi đến thăm một địa phương nào đó thường tìm đọc những giới thiệu về cảnh vật và con người nơi đó để có được những hiểu biết khái quát, nhưng khi "thực mục sở thị" tại địa phương, một số người không khỏi thất vọng khi họ không tìm thấy những nét văn hóa mà họ đã được biết qua sách báo, phim ảnh và các công trình nghiên cứu. Điều này thực sự dễ hiểu, bởi vì văn hóa luôn luôn biến đổi theo thời gian, bối cảnh và điều kiện sống của tộc người, đó cũng là hạn chế của việc bảo tồn tĩnh. Có thể nói, bảo tồn tĩnh gắn với bảo tàng, hình thức bảo tồn này phù hợp hơn với văn hóa vật thể.

Công tác bảo tồn trước đây cũng thể hiện nhiều điểm bất cập, trong đó có sự chậm trễ trong sưu tầm, lưu giữ và bảo quản các yếu tố văn hóa quý hiếm, độc đáo, dễ mất cho chúng nhạt dần và mai một theo thời gian. Nhiều giá trị văn hóa đã mất theo các nghệ nhân khi họ qua đời, không được lưu giữ và trao truyền lại cho thế hệ sau hoặc người thực hành văn hóa không còn đủ sức khỏe và minh mẫn để có thể truyền đạt lại một cách đầy đủ và xác thực. Hiện tượng này có ở rất nhiều địa phương. Ngược lại với xu hướng thờ ơ, chậm trễ trong việc sưu tầm và duy trì, bảo tồn các giá trị văn hóa là xu hướng sưu tầm ồ ạt, thiên về số lượng mà thiếu chú trọng đến chất lượng. Có những yếu tố văn hóa đã bị lai tạp, chưa được tìm hiểu nghiên cứu kỹ càng đã được đưa vào danh sách bảo tồn và tuyên truyền trong cộng đồng là văn hóa truyền thống, khiến các thế hệ trẻ của cộng đồng đó hiểu sai về giá trị văn hóa truyền thống của họ như việc phục dựng trang phục truyền thống của người Cơ Lao ở Hoàng Su Phì, Hà Giang. Do không tìm được trang phục truyền thống ban đầu của người Cơ Lao mà chỉ còn bộ trang phục ảnh hưởng của người Hán nên hàng loạt bộ quần áo giống với người Hán đã được may, phát cho các hộ gia đình người Cơ Lao để họ mặc trong những dịp lễ hội, mặc nhiên coi đó là trang phục truyền thống của người Cơ Lao (Tư liệu điền dã năm 2017). Theo tiến sĩ Trần Hữu Sơn (2020), việc nhận diện sai về di sản và bảo tồn "phần ngọn" diễn ra khá phổ biến ở các địa phương. Các giá trị văn hóa phi vật thể như hát xoan, hát trống quân của người Việt, hát *Then* của người Tày, múa khèn của người Hmông..., đã được bảo tồn, phát triển thành các câu lạc bộ, thậm chí có thể trình diễn tại các điểm du lịch cộng đồng nhưng lại bị tước bỏ mất phần tín ngưỡng gắn với chúng, trong khi các tín ngưỡng không chỉ là thành tố mà còn là môi trường hình thành và phát triển của các loại hình văn nghệ dân gian của các tộc người. Từ đó, việc đặt tên sai cho di sản văn hóa cũng diễn ra khá phổ biến. Các yếu tố thiêng bị tước bỏ nên tên di sản chỉ phản ánh một bộ phận của di sản như Lễ hội Đền Hùng (nếu đầy đủ phải là tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương), hay hát Châu văn (đầy đủ phải là tín ngưỡng thờ cúng Tam/Tứ phủ),... Ở một số địa phương, công tác bảo tồn chỉ dừng lại ở việc sưu tầm những hiện vật văn hóa cổ truyền còn sót lại trong cộng đồng, đưa về trưng bày, phục dựng tại các cơ quan quản lý văn hóa, thậm chí còn không có sự bảo quản chu đáo đối với các hiện vật như việc lưu giữ trống đồng của người Lô Lô ở huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

Bên cạnh đó, quy trình bảo tồn không được tuân thủ nghiêm túc nên ở hầu hết các địa phương, bảo tồn mới chỉ dừng lại ở việc sưu tầm, kiểm kê sản phẩm văn hóa mà chưa có biện pháp thiết thực để duy trì và phát triển chúng trong không gian văn hóa của cộng đồng. Việc

sưu tầm các sản phẩm văn hóa đôi khi được tiến hành ồ ạt, thiếu sự nghiên cứu, tìm hiểu dẫn đến tình trạng sưu tầm cả những sản phẩm không mang giá trị đặc trưng tộc người như việc sưu tầm sử thi Tây Nguyên ở một số địa phương. Những hạn chế như vậy trong công tác bảo tồn đã góp phần đẩy những giá trị văn hóa, với mục đích ban đầu là được bảo tồn, nhanh chóng bị lui vào dĩ vãng.

Công tác bảo tồn trước đây thường nặng về áp đặt từ các cấp, các ngành, cơ quan nghiên cứu, cơ quan quản lý văn hóa xuống cộng đồng. Các giá trị văn hóa được đưa xuống cộng đồng nhằm tuyên truyền, khuyến khích cộng đồng tộc người phải gìn giữ, duy trì trong đời sống hằng ngày vì đó là vốn quý của dân tộc, là nét hay, nét đẹp, bản sắc tộc người mà các tộc người khác không có. Mặc dù vậy, nhận thức của các thành viên trong cộng đồng còn hạn chế, sự bất hợp lý, gây trở ngại đến đời sống sinh hoạt của một số giá trị văn hóa truyền thống không còn phù hợp khiến cho các chủ thể văn hóa không mặn mà với việc duy trì chúng trong đời sống hiện tại. Bên cạnh đó, người dân không thấy được lợi ích lâu dài của việc bảo tồn văn hóa truyền thống mà chỉ quan tâm nhiều hơn đến lợi ích ngắn hạn, vì vậy, hiệu quả của công tác vận động người dân bảo tồn văn hóa truyền thống của chính họ cũng bị hạn chế rất nhiều.

3. Bảo tồn văn hóa tộc người hiện nay

Bước vào thời kỳ Đổi mới và hội nhập, Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách văn hóa mới để điều chỉnh công tác văn hóa nói chung và công tác bảo tồn văn hóa truyền thống nói riêng. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 quy định: *Nhà nước và xã hội bảo tồn nền văn hóa Việt Nam: dân tộc, hiện đại, nhân văn, kế thừa và phát huy những giá trị của nền văn hiến các dân tộc Việt Nam* (Hiến pháp năm 1992, chương III, điều 30) (Quốc hội, 1992).

Ngày 16/7/1998, Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII đã ban hành Nghị quyết về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đánh dấu chiến lược văn hóa của Đảng trong thời kỳ Đổi mới. Nghị quyết đã xác định 10 nhiệm vụ cụ thể để xây dựng và phát triển văn hóa, trong đó có nhiệm vụ bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số, nhấn mạnh: *“Bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc khác. Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục tập quán, lễ thói cũ”* (Nghị quyết 03/NQ-TW ký ngày 16/7/1998). Đây có thể coi là dấu mốc quan trọng trong việc đổi mới công tác văn hóa, trong đó có bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tộc người.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đã nhấn mạnh: *“Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, trong đó chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng. Phát triển hài hòa giữa kinh tế và văn hóa, cần chú ý đầy đủ tới yếu tố văn hóa và con người trong phát triển kinh tế... Huy động sức mạnh của toàn xã hội nhằm bảo tồn, phát huy*

các giá trị văn hóa truyền thống, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hóa mới, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm giàu văn hóa dân tộc” (Nghị quyết số 33-NQ/TW ban hành ngày 9/6/2014).

Luật Di sản văn hóa cũng đã được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2001, trong đó khẳng định: *“Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Để bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc và đóng góp vào kho tàng di sản văn hóa thế giới, cần nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước, nâng cao trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa”* (dẫn theo Nguyễn Văn Minh, 2021, tr. 33).

Đề án *“Bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc thiểu số đến năm 2020”* là đề án bảo tồn văn hóa tộc người lớn nhất từ trước đến nay, được tiến hành trên phạm vi cả nước. Đề án này được Chính phủ nhấn mạnh một số trọng tâm như sau: chủ thể văn hóa, cộng đồng kế thừa và thực hành văn hóa có vai trò to lớn và là nhân tố quyết định trong việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số; đẩy mạnh các hoạt động bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số kết hợp với các chương trình phát triển kinh tế, phát triển nghề thủ công truyền thống, du lịch cộng đồng kết hợp với xóa đói giảm nghèo (Trích Quyết định 1270/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ký ngày 27/7/2011 phê duyệt *Đề án Bảo tồn phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số đến năm 2020*).

Với tinh thần của các chính sách nêu trên, xu hướng đổi mới phương thức bảo tồn văn hóa đã được thực hiện rộng rãi ở vùng dân tộc thiểu số, vùng miền núi nước ta hiện nay. Bảo tồn và phát huy lợi ích của cộng đồng nhằm mục đích phục vụ kiến thức, giáo dục và thụ hưởng của công chúng. Khái niệm *bảo tồn* đã được *làm mới*. *Bảo tồn* dần được coi là chuyển từ một di sản lịch sử văn hóa thành quần thể dịch vụ, kinh doanh thu lợi nhuận (Đinh Hoàng, 2021). Xu hướng bảo tồn văn hóa của thế giới và Việt Nam hiện nay thiên về bảo tồn “động”, tức là phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa tộc người trong đời sống hiện tại, gắn với kinh tế, bước đầu áp dụng công nghệ 4.0 trong các hoạt động bảo tồn, hướng tới xây dựng ngành công nghiệp văn hóa như nước láng giềng Trung Quốc.

Phong trào gắn văn hóa tộc người với phát triển du lịch đang diễn ra ở hầu khắp các tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Ở khắp các tỉnh thành miền núi trong cả nước đều khơi dậy và khuyến khích việc mở dịch vụ du lịch. Du lịch văn hóa tộc người đã được phát triển ở khắp các địa phương với đa dạng loại hình (du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, tham quan làng nghề,...) như tại các địa phương: Mai Châu (Hòa Bình), Mộc Châu (Sơn La), Sa Pa (Lào Cai), Mù Cang Chải (Yên Bái), Lũng Cú (Hà Giang), Pác Bó (Cao Bằng),... Các tộc người ở những địa phương khác nhau đều có nhiều chuyến tham quan, học hỏi từ các tộc người đã có kinh nghiệm làm du lịch cộng đồng trước đó, tạo nên những mô hình phục vụ du lịch na ná giống nhau. Ở các điểm du lịch đã mọc lên nhiều homestay của cá nhân hoặc một

nhóm nhỏ các hộ gia đình để phục vụ nhu cầu ăn nghỉ của khách, đi liền với những hoạt động tham quan trải nghiệm là bán hàng thủ công, trình diễn văn nghệ dân gian,... Thông qua các dịch vụ du lịch như vậy, người dân có thể nâng cao thu nhập, đồng thời góp phần duy trì văn hóa truyền thống hiện có như: nấu các món ăn đặc trưng của tộc người, mặc trang phục truyền thống, trình diễn các thể loại văn nghệ dân gian như ca múa, hát đối đáp, tham gia trò chơi dân gian,... Đây là hình thức bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống một cách thiết thực, do chính chủ nhân văn hóa thực hiện, cũng là hình thức bảo tồn văn hóa phổ biến trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay.

Chính quyền và cơ quan văn hóa ở nhiều địa phương đều quan niệm rằng, việc phát triển du lịch văn hóa tộc người sẽ mang lại lợi ích kép, vừa bảo tồn được văn hóa truyền thống, vừa phát triển được kinh tế cho các chủ thể văn hóa ngay chính tại quê hương của mình. Họ cũng tích cực đưa văn hóa tộc người ở địa phương phát triển theo chiều hướng này. Các cấp chính quyền, đoàn thể có những gợi ý, định hướng để chính những người dân đang thực hành văn hóa thực hiện. Du lịch văn hóa cộng đồng ở các địa phương hiện nay thường được quan tâm đến lợi ích và sự hưởng lợi của chủ thể văn hóa, sự kết hợp giữa người dân, chính quyền địa phương và các công ty du lịch. Qua thực tế ở các địa phương có phát triển du lịch, nơi nào có những cá nhân trong cộng đồng tiên phong thực hiện và đạt được thành công thì cộng đồng đó mới phát triển và nhân rộng được phong trào phát triển du lịch văn hóa cộng đồng. Ví dụ như du lịch của người Thái ở bản Lác, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình được duy trì từ đầu những năm 1990; hoạt động du lịch của người Lô Lô ở thôn Lô Lô Chải, xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang được duy trì từ đầu những năm 2010 đến nay. Ở Mai Châu, nhờ sự gợi ý và giới thiệu của các chuyên gia nước ngoài mà một số hộ người Thái đã có những hoạt động phát triển du lịch tộc người đầu tiên. Du lịch đã góp phần làm hồi sinh nghề dệt thủ công truyền thống và các điệu múa, bài hát dân gian của người Thái. Ở Lũng Cú, Đồng Văn, Hà Giang, dựa vào những gợi ý phát triển du lịch từ việc hình thành Công viên Địa chất cao nguyên đá Đồng Văn, người Lô Lô ở đây đã tự chọn lọc các yếu tố văn hóa đặc trưng để giới thiệu làm du lịch (Tư liệu điền dã năm 2008). Sự mạnh dạn đi đầu của trưởng thôn đã khuyến khích một số gia đình trong thôn tham gia. Nhờ có hoạt động du lịch, các ngôi nhà trình tường truyền thống của người Lô Lô dần được khôi phục, tục thờ cúng tổ tiên và điệu múa trống đồng đặc trưng của người Lô Lô được thực hiện thường xuyên để phục vụ khách du lịch. Đặc biệt, người dân đã chủ động liên hệ với các cơ quan văn hóa để xây dựng các video clip, đưa lên kênh Youtube nhằm giới thiệu văn hóa truyền thống của dân tộc mình, từ đó mời gọi khách du lịch đến với cộng đồng người Lô Lô (Tư liệu nghiên cứu thực địa của tác giả và cộng sự trong các năm 2008, 2010, 2018).

Một số địa phương đã tận dụng được lợi thế về nghề thủ công truyền thống để phát triển du lịch trải nghiệm, các nghề thủ công được khôi phục và đầu tư phát triển hơn trước, du khách có thể tham gia vào một số công đoạn trong quy trình sản xuất, sau đó mua đồ lưu niệm là sản phẩm của chính nghề thủ công đó. Đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên cũng đã

thành công trong việc gắn du lịch cộng đồng với khôi phục nghề thủ công truyền thống. Ví dụ, câu lạc bộ dệt thổ cẩm làng Phụng ở thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã sản xuất và có phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm dệt của người Gia Rai cho khách du lịch; làng Mơ H'ra, xã Kông Long Khong, huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai của người Ba Na là một trong những điểm du lịch tộc người hấp dẫn ở Tây Nguyên (Hà Đức Thành, 2021). Tỉnh Cao Bằng có kế hoạch bảo tồn và phát huy các nghề thủ công truyền thống nằm trên tuyến du lịch Công viên địa chất Non nước Cao Bằng để phục vụ du khách (Tư liệu nghiên cứu thực địa năm 2023). Một số làng nghề của người Chăm ở tỉnh An Giang đã trở thành điểm du lịch nổi tiếng như: điểm du lịch xã An Phú, khu du lịch Núi Cấm, huyện Tịnh Biên; Núi Sam, thành phố Châu Đốc (Nguyễn Công Thảo, 2022, tr. 60).

Sự thành công ở một số địa phương miền núi cho thấy việc bảo tồn “động”, hay nói cách khác là bảo tồn gắn với phát huy các giá trị văn hóa trong cộng đồng, để những giá trị văn hóa tộc người vào đúng không gian văn hóa vốn có của nó, đưa vào thực hành văn hóa hằng ngày, đặc biệt là xuất phát từ nhận thức và nhu cầu của chủ thể văn hóa đã tạo được kết quả khả quan, lâu bền hơn hình thức bảo tồn “tĩnh” như trước đây. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển du lịch kết hợp với trình diễn văn hóa, văn hóa tộc người thường có sự tương tác và chịu tác động từ bên ngoài. Thực tế đã chứng minh rằng không phải lúc nào du lịch cũng phát triển thành công ở những địa điểm có văn hóa tộc người đặc sắc và việc phát triển du lịch ít khi song hành với việc bảo tồn thành công văn hóa truyền thống nếu như không định hướng được du lịch phát triển. Ngay từ đầu, sức hấp dẫn của văn hóa tộc người là cơ sở để phát triển du lịch nhưng sau đó, do sự thích ứng không có định hướng rõ ràng của người dân hoặc việc chạy theo đổi mới, nhu cầu của một bộ phận khách du lịch đã khiến cho các hoạt động du lịch dần xa rời văn hóa tộc người. Thổ cẩm là mặt hàng lưu niệm chính của người Thái ở Mai Châu, là kết quả của việc khôi phục nghề dệt thủ công truyền thống nhưng nay đã được dệt bằng máy để tránh mất nhiều thời gian và giảm giá thành, người dân cũng nhập hàng ở Hà Nội và các tỉnh thành khác về bán tại điểm du lịch (Nguyễn Công Thảo, 2022, tr. 74). Ở A Lưới, Thừa Thiên Huế, các thực hành văn hóa, đặc biệt là múa hát, nghi lễ chưa được quan tâm đầu tư, đội ngũ tham gia biểu diễn chưa được đào tạo hay có hiểu biết đầy đủ về văn hóa tộc người mình (Nguyễn Công Thảo, 2022, tr. 120). Trang phục của người Kinh gần như đã thay thế trang phục của người Cơ Ho ở Đà Lạt trong khi khách du lịch muốn trải nghiệm nét bản sắc văn hóa tộc người nên khi đến thị trấn Lạc Dương du khách ít dành thời gian ở đây (Nguyễn Công Thảo, 2022, tr. 196). Tại bản Lác, thị trấn Mai Châu, phong trào bê tông hóa nhà sàn diễn ra mạnh mẽ khiến mật độ xây dựng không khác gì ở khu vực đô thị, cấu trúc và cảnh quan truyền thống của người Thái bị phá vỡ, khách du lịch đã phàn nàn rằng họ thấy thất vọng và ngột ngạt với việc xây dựng như vậy (Nguyễn Công Thảo, 2022, tr. 281). Hoạt động du lịch ở các địa phương của khu vực miền núi bị pha trộn, mang sắc thái gần giống nhau. Việc khơi dậy hay khôi phục văn hóa truyền thống tộc người thông qua du lịch lúc này chỉ còn là hình thức, hiệu quả bảo tồn văn hóa rất thấp, ví dụ như: văn hóa Thái với du lịch ở Mai Châu, văn hóa Hmông với du

lịch ở Sa Pa ở giai đoạn phát triển sau này đã bị pha trộn với văn hóa Kinh, văn hóa châu Âu; văn hóa tộc người nhạt dần, ít tạo được sự hấp dẫn đối với du khách.

Việc áp dụng công nghệ 4.0 trong hoạt động bảo tồn văn hóa truyền thống ở Việt Nam có thể thấy ở một số trang Facebook của các cá nhân, nhóm sở thích nhằm bảo tồn văn hóa truyền thống. Các nội dung này thường được lập nên bởi chính những chủ thể văn hóa nhằm kết nối, giao lưu văn hóa, qua đó bảo tồn văn hóa tộc người như: “Nhóm giao lưu văn hóa dân tộc Tày, Nùng Cao Bằng”, “Tày Nùng bốn phương”, “Bảo tồn văn hóa Việt Nam”, “Bảo tồn văn hóa trang phục dân tộc Dao Đỏ”, “Câu lạc bộ bản sắc văn hóa các dân tộc Quảng Hòa, Cao Bằng”, “Văn hóa bản sắc dân tộc Cao Lan”, “Nét đẹp văn hóa dân tộc Sán Dìu”,... Hoạt động kết nối trên môi trường mạng internet thường thu hút được đông đảo chủ thể văn hóa ở các độ tuổi khác nhau, phổ biến vẫn là những người trẻ tuổi nên trong quá trình giao lưu, các yếu tố truyền thống dễ bị biến đổi nếu như không có sự định hướng và uốn nắn của các nghệ nhân dân gian hay các nhà quản lý văn hóa.

Một hình thức bảo tồn mới đã và đang được thực hiện gần đây là các giá trị văn hóa tộc người được tư liệu hóa trên nền tảng số như sản phẩm giới thiệu về dân tộc Brâu do thầy giáo Nguyễn Tuấn Anh và em Phạm Thùy Trang thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum đã thực hiện. Điển hình phải kể đến bộ sưu tập số “Di sản kết nối”: đây là nền tảng trực tuyến miễn phí do Hội đồng Anh khởi xướng, cho phép các thành viên trong cộng đồng tự đăng tải và chia sẻ các tư liệu về di sản văn hóa, bao gồm các văn bản, hình ảnh, video, file ghi âm,... Một số cộng đồng nhỏ đã thực hiện phương pháp này như: bài hát và múa trong nghi lễ của người Chăm ở làng Bàu Trúc, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận; tượng gỗ nhà mồ của người Ba Na ở làng Mơ H’ra, xã Kông Long Khong, huyện K’Bang, tỉnh Gia Lai; di sản âm nhạc Ê Đê ở Kon Tum; đối thoại cùng hồi ức về cải lương,... Đây là hình thức bảo tồn mới, hiện đại, do các chủ thể văn hóa trực tiếp thực hành. Với hình thức bảo tồn này, các giá trị văn hóa của các tộc người có thể được lưu giữ dưới cả hai hình thức: “tĩnh” (thông qua tranh ảnh) và “động” (thông qua các video) đã nhanh chóng được quảng bá trên toàn quốc và vươn ra quốc tế. Đây cũng là hình thức quảng bá du lịch văn hóa tộc người rất hiệu quả.

Mục đích của hoạt động bảo tồn là gìn giữ tối đa như nguyên bản các giá trị văn hóa, đi đôi với việc khai thác giá trị của chúng cho xứng tầm. Nếu như bảo tồn nguyên trạng đề cao những giá trị nguyên bản trong lưu giữ và phục hồi các giá trị văn hóa thì bảo tồn thích nghi (hay còn gọi là bảo tồn phát triển) ghi nhận những giá trị đổi thay của di sản, theo hướng kế thừa và phát triển. Vậy, câu hỏi đặt ra là nên bảo tồn văn hóa tộc người theo hình thức nào: nguyên trạng hay thích nghi? Những người theo quan điểm bảo tồn thích nghi cho rằng nếu bảo tồn nguyên trạng một cách cứng nhắc sẽ làm đóng băng di sản và về lâu dài dẫn đến sự xuống cấp, hủy hoại chúng (Bảo An, 2014). Bảo tồn nguyên trạng chỉ thích hợp với một số nghề thủ công truyền thống có kỹ thuật đặc biệt mà hiện nay không còn điều kiện khách quan để tồn tại. Mặc dù vậy, chúng ta vẫn phải bảo tồn vì đó là kinh nghiệm quý giá của các thế hệ đi trước đúc kết trong nhiều năm, để giới thiệu với các thế hệ sau trong cộng đồng cũng như

khách du lịch về những thành tựu văn hóa của cộng đồng trong quá khứ, rất có thể đến một thời điểm nào đó trong tương lai, những giá trị văn hóa đó lại được phát huy. Ví dụ như việc duy trì trang phục truyền thống, nhất là bộ nữ phục của một số tộc người là rất cần thiết, vì nó chứa đựng nhiều yếu tố đặc trưng của tộc người. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, trước những biến đổi nóng lên của khí hậu, sự linh hoạt cần thiết trong nhịp sống mới khiến những người phụ nữ không thể duy trì trang phục truyền thống trong sinh hoạt hằng ngày vì nó gây nóng bức, vải truyền thống dày và nặng không phù hợp và thuận tiện trong quá trình lao động sản xuất, thời gian để mặc hoàn chỉnh lại quá lâu. Chính vì vậy, việc bảo tồn bộ nữ phục truyền thống trong sinh hoạt hằng ngày đã bị thất bại, chỉ có thể bảo tồn tĩnh hoặc bảo tồn để sử dụng trong những thời điểm nhất định như các dịp lễ, tết.

Theo ý kiến của đại đa số các nhà nghiên cứu và quản lý, trong điều kiện hiện nay chúng ta nên lựa chọn cách thức bảo tồn thích nghi, vừa gìn giữ được di sản vừa tạo sức sống, sinh khí mới cho di sản, gắn di sản với hoạt động du lịch nhằm khai thác tiềm năng. Ngược lại, những người ủng hộ quan điểm bảo tồn nguyên trạng cho rằng, cách thức bảo tồn thích nghi đã và đang khiến những di sản ngày một hiện đại, mất đi hồn cốt, tính độc đáo, giá trị lịch sử của nó. Thực tế là đã có nhiều di sản vật thể của các tộc người đang bị dựng lại bằng cách bê tông hóa hoặc không có điều kiện môi trường để tồn tại như ban đầu, còn di sản phi vật thể ngày càng bị sân khấu hóa..., dẫn đến tình trạng văn hóa tộc người bị biến đổi và sai lệch.

Bên cạnh đó, nhiều chuyên gia văn hóa cho rằng, di sản vật thể lẫn phi vật thể vốn rất phong phú và đa dạng, theo đó, không thể áp dụng một mô hình bảo tồn cho tất cả các di sản. Có những di sản cần bảo tồn nguyên gốc, có những di sản chỉ có thể bảo tồn gần với nguyên gốc, có những di sản phải bảo tồn phát triển. Để bảo tồn di sản, một mặt cần thiết phải bảo tồn nguyên trạng những gì còn lại, mặt khác có thể phát triển, thay đổi ở những mức độ sáng tạo khác nhau.

Kết luận

Hai hình thức bảo tồn văn hóa: bảo tồn “tĩnh” và bảo tồn “động” đã tồn tại trong suốt chiều dài lịch sử. Không có hình thức bảo tồn nào là luôn đúng và thích hợp đối với tất cả các tộc người, trong điều kiện sinh sống khác nhau. Tùy vào trường hợp cụ thể, dựa vào điều kiện khách quan mà chúng ta có thể quyết định hình thức bảo tồn văn hóa cho phù hợp.

Những người làm công tác bảo tồn cần tôn trọng ý kiến của các chủ thể văn hóa trong việc duy trì và phát triển văn hóa truyền thống ở cộng đồng của họ. Trong điều kiện có những giá trị văn hóa không còn môi trường tồn tại hoặc không phù hợp với thời đại mới, không được chủ thể văn hóa lựa chọn duy trì trong đời sống văn hóa của họ thì cần có biện pháp bảo tồn “tĩnh”, lưu giữ trưng bày ở bảo tàng để các thế hệ sau có thể biết được những giá trị văn hóa của một thời kỳ phát triển của lịch sử tộc người.

Việc bảo tồn “động” (hay bảo tồn phát triển) là hình thức bảo tồn văn hóa thích hợp trong bối cảnh hội nhập và giao lưu văn hóa mạnh mẽ giữa các tộc người hiện nay. Tuy nhiên,

hình thức bảo tồn này cần có sự quan tâm sát sao và những định hướng đúng đắn từ các cấp chính quyền và cơ quan quản lý văn hóa để đảm bảo việc thích ứng với phát triển, nhất là phát triển du lịch cộng đồng không gây ảnh hưởng nhiều đến văn hóa truyền thống. Trong quá trình phát triển du lịch, có những khía cạnh văn hóa có thể biến đổi cho phù hợp với môi trường sống hiện nay, nhưng có những khía cạnh không nên biến đổi vì sẽ làm ảnh hưởng đến tính nguyên dạng của văn hóa truyền thống. Với trường hợp này, việc định hướng cần có sự tham gia của các cấp quản lý, không thể hoàn toàn theo ý thích của người dân vì phần lớn trong số họ chưa thể thấy được những bất lợi về lâu dài nếu chạy theo thị hiếu của khách du lịch, gây biến đổi căn bản văn hóa truyền thống tộc người.

Tùy vào đặc điểm tộc người và thế mạnh của từng địa phương mà chúng ta tiến hành những phương pháp bảo tồn phù hợp. Đối với việc bảo tồn các ngành nghề thủ công truyền thống, cần có sự kết hợp của cả hai hình thức bảo tồn. Những nguyên vật liệu để làm nghề thủ công truyền thống trước đây có thể rất sẵn trong tự nhiên, người thợ có thể tìm kiếm dễ dàng nhưng hiện tại chúng không còn tồn tại trong môi trường sống của tộc người. Vì vậy, cần có biện pháp bảo tồn "tĩnh" bằng cách ghi chép, chụp ảnh..., để lưu giữ lại. Bên cạnh đó, có thể có những thay đổi ở khâu sử dụng nguyên vật liệu, quy trình sản xuất để thuận tiện hơn trong việc tìm kiếm và giúp cải tiến kỹ thuật trong quy trình sản xuất. Ngoài ra, ngành nghề thủ công thường có những bí quyết trong nghề nghiệp nên việc bảo tồn gắn với phát triển du lịch cộng đồng, có những hoạt động trải nghiệm của khách du lịch trong một số khâu sản xuất quan trọng là không thích hợp. Đối với các ngành nghề thủ công truyền thống, việc bảo tồn phát triển chỉ nên được tiến hành ở một số công đoạn trong quy trình sản xuất.

Cần phân loại các yếu tố văn hóa để có hình thức bảo tồn phù hợp và hiệu quả. Những giá trị văn hóa đã không còn phù hợp với bối cảnh sống mới thì nên được lưu giữ theo hình thức bảo tàng. Bên cạnh đó, cần có sự chọn lọc những giá trị văn hóa mới được cộng đồng tộc người chấp nhận và tiếp thu trong thời gian gần đây để cân nhắc việc phát huy hay hạn chế chúng trong đời sống tộc người trong tương lai.

Việc bảo tồn văn hóa truyền thống của các tộc người cần có sự lựa chọn, linh hoạt của những người làm công tác văn hóa. Đối với một số tộc người có nguồn gốc bên kia biên giới, chỉ nên tập trung bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của họ khi đến sinh sống ở Việt Nam. Văn hóa tộc người là một phần không thể thiếu của văn hóa quốc gia Việt Nam, nên tránh khôi phục những giá trị văn hóa của họ trước khi di cư đến Việt Nam, gây xóa nhòa ranh giới văn hóa giữa các tộc người của nước ta và các tộc người thuộc nước bạn.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1998), *Nghị quyết số 03/NQ-TW về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*, ngày 16/7/1998.

2. Bảo An (2014), *Bảo tồn nguyên trạng hay bảo tồn thích nghi*, trên trang <https://daibieunhandan.vn/van-hoa/Bao-ton-nguyen-trang-hay-bao-ton-thich-nghi-i173684/> (Truy cập ngày 13/12/2023).
3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục Di sản văn hóa (2010), André Desvallées & François Mairesse, *Các khái niệm cơ bản về bảo tàng học*, Dịch giả: Nguyễn Thị Thu Hương, hiệu đính: TS. Phạm Lan Hương, Nxb. Văn học, Hà Nội.
4. Đinh Hoàng (2021), *Làm mới khái niệm bảo tồn*, trên trang <https://ngaymoionline.com.vn/lam-moi-khai-niem-bao-ton-28560.html> (Truy cập ngày 23/12/2023).
5. Nguyễn Văn Minh (2021), *Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa VIII.
7. Trần Hữu Sơn (2020), “Văn hóa dân gian - “Mã định danh” hội nhập thế giới”, *Sài Gòn giải phóng online*, ngày 24/01/2020.
8. Hà Đức Thành (2021), *Mơ H'ra - điểm đến hấp dẫn trên đại ngàn Tây Nguyên*, trên trang baodantoc.vn (Truy cập ngày 22/12/2023).
9. Nguyễn Công Thảo (2022), *Hoạt động du lịch cộng đồng vùng dân tộc thiểu số Việt Nam, một đích đến, nhiều con đường*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
10. Ngô Đức Thịnh (Chủ biên, 2014), *Giá trị văn hóa Việt Nam, truyền thống và biến đổi*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 1270/QĐ-TTg phê duyệt Đề án bảo tồn phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số đến năm 2020*, ngày 27/7/2011.